

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **94/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 25/6/2025.

V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con .

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Dũng.

2/ Ông Giang Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 205/2025/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lê Minh H**, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp P, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Chị **Trần Thị Bình A**, sinh năm: 1989; Địa chỉ: ấp K, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết nguyên đơn anh Lê Minh H trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Anh Lê Minh H và chị Trần Thị Bình A tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau, anh chị được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2009. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/02/2011. Trong

quá trình chung sống với nhau, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc cho đến năm 2023 thì cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, mà chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không khí gia đình căng thẳng không giải quyết được nên hai người thường xuyên cự cãi nhau, mặc dù những mâu thuẫn được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng tình hình không thay đổi nên cuộc sống vợ chồng không đem lại hạnh phúc cho nhau. Từ đó anh H và chị A cũng đã sống ly thân với nhau cho đến năm nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh Lê Minh H yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Bình A.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống với nhau giữa anh H và chị A có 01 người con chung tên Lê Bảo K, sinh năm 2010, hiện cháu K đang do chị A nuôi dưỡng. Vì vậy, khi ly hôn anh H đồng ý giao cho chị A được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K cho đến tuổi thành niên và anh H không cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản và nợ chung*: Anh H xác định anh và chị A không có tài sản chung và không nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29/5/2025 bị đơn chị Trần Thị Bình A trình bày:

- *Về hôn nhân*: Vào năm 2009 chị và anh Lê Minh H đi đến hôn nhân, chị và anh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/02/2011. Thời gian đầu chị và anh H chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên hai người thường xuyên cự cãi nhau, hiện chị và anh H không còn quan tâm và không còn tình cảm với anh nữa. Vì vậy, khi anh H yêu cầu ly hôn với chị A thì được chị A đồng ý.

- *Về con chung*: Có 01 người con chung tên Lê Bảo K, sinh năm 2010, hiện cháu K đang do chị A nuôi dưỡng. Vì vậy, khi ly hôn chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K cho đến tuổi thành niên và chị A không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản và nợ chung*: Chị A xác định chị và anh H không có tài sản chung và không nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử (HDXX) nhận định vụ án như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Theo đơn khởi kiện anh Lê Văn H1 yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Bình A; Xét thấy

đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn chị Trần Thị Bình A có nơi cư trú tại ấp K, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn anh Lê Minh H và bị đơn chị Trần Thị Bình A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án HĐXX có cơ sở xác định: Anh Lê Minh H và chị Trần Thị Bình A xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, anh chị có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/02/2011. Như vậy, hôn nhân giữa anh Lê Minh H và chị Trần Thị Bình A là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về tình trạng hôn nhân HĐXX thấy rằng: Trong quá trình chung sống với nhau giữa anh H và chị A có phát sinh nhiều mâu thuẫn mà theo như anh H và chị A trình bày thì nguyên nhân chủ yếu là do hai người tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung và bất đồng quan điểm sống, không khí gia đình căng thẳng không giải quyết được nên hai người thường xuyên cự cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, mặc dù được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng tình hình không thay đổi làm cho cuộc sống vợ chồng không đem lại hạnh phúc cho nhau. Nên anh H yêu cầu ly hôn thì được chị A đồng ý.

Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần thiết ghi nhận. Do đó, căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX thống nhất ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Minh H với chị Trần Thị Bình A.

[3.2] *Về quan hệ con chung*: Anh Lê Minh H và chị Trần Thị Bình A có 01 người con chung tên Lê Bảo K, sinh ngày 07/8/2010. Hiện cháu K đang do chị A nuôi dưỡng. Vì vậy, ly hôn chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K cho đến tuổi thành niên thì được anh H đồng ý; đồng thời tại bản tự khai ngày 17/6/2025 cháu Lê Bảo K có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống cùng với mẹ. HĐXX thấy rằng đây là sự tự nguyện của các đương sự nên cần thiết ghi nhận.

Do đó, HĐXX thống nhất tiếp tục giao cháu Lê Bảo K cho chị Trần Thị Bình A tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Trần Thị Bình A trình bày chị có đủ khả năng nuôi dưỡng con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó HĐXX không đặt ra xem xét.

[3.3] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Anh H và chị A đều xác định anh chị không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, HĐXX miễn xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện ở vụ kiện dân sự khác.

[4] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Lê Minh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; 227, 228 Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Minh H với chị Trần Thị Bình A.

2/ Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, giao cháu Lê Bảo K, sinh ngày 07/8/2010 cho chị Trần Thị Bình A được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xét.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị A nuôi con; anh H được quyền đến thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3/ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc anh Lê Minh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0011251 ngày 12/5/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, anh Lê Minh H không phải nộp thêm, chị Trần Thị Bình A không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- THA huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Hồng Điệp